TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 546/2019/QĐST-HNGĐ	*Bình Thạnh, ngày 16 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 0126/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Bùi Thanh Thu T, sinh năm: 1986; Địa chỉ cư trú: đường T, Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Ông Nguyễn Ngọc Thanh N, sinh năm: 1988; Địa chỉ cư trú: đường C, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Nguyễn Ngọc Thanh N và bà Bùi Thanh Thu T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2017, ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 10 tháng 12 năm 2018 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05 tháng 4 năm 2019, ông Nguyễn Ngọc Thanh N

và bà Bùi Thanh Thu T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, bà T là người trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Thanh Thảo A, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2017. Hàng tháng ông N cấp dưỡng nuôi con số tiền là 7.000.000 (Bảy triệu) đồng.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông N và bà T thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc (chia hoặc) không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Nguyễn Ngọc Thanh N và bà Bùi Thanh Thu T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2017, ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

- Về con chung: Bà Bùi Thanh Thu T là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Nguyễn Thanh Thảo A, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2017. Hàng tháng ông N cấp dưỡng nuôi con số tiền là 7.000.000 (Bảy triệu) đồng. Bắt đầu thi hành từ ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi bà Bùi Thanh Thu T có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Ngọc Thanh N chưa thực hiện việc cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng ông N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ông Nguyễn Ngọc Thanh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đôi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Bùi Thanh Thu T thỏa thuận nộp lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự

sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0020186 ngày 15 tháng 01 năm 2019, của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh; bà T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- UBND Phường 11, quận Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Huỳnh Linh Phượng

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].